



Tuệ giác Phật giáo góp nền tảng phát triển bền vững

ISSN: 2734-9195

13:47 12/08/2025

Tuệ giác Phật giáo nhấn mạnh vai trò của giác ngộ trong công việc giải thoát con người khỏi vòng luân hồi sinh tử (samsāra).

Tác giả: **Chánh Tâm Hạnh**

Nghiên cứu sinh Tiến sĩ, Khóa 3, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

Tóm tắt

Tuệ giác Phật giáo, với tâm trí là nhận thức về vô thường, đau khổ và vô ngã, không chỉ hướng cho nhân loại đến sự giải thoát cá nhân mà còn kiến tạo nền tảng vững chắc cho hòa bình thế giới và phát triển bền vững.

Dựa trên giáo lý duyên khởi và lòng từ bi, tuệ giác Phật giáo khuyến khích cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường, giảm thiểu khai thác tài nguyên thiên nhiên và xây dựng cộng đồng hài hòa.

Các sự kiện như **Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc** tại Việt Nam, hội thảo về Phật giáo và môi trường đã chứng minh vai trò của Phật giáo trong việc thúc đẩy bảo vệ môi trường, giảm đói nghèo và giáo dục ý thức và nhiệm vụ.

Tâm từ bi và lối sống tối giản giáo dục tri túc là những giá trị cốt lõi, khơi nguồn cho hoạt động trách nhiệm và tỉnh thức trong mọi quyết định.

Tuệ giác Phật giáo không chỉ giải quyết khủng hoảng mà còn tạo ra sự kết nối toàn cầu, giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu và tạo dựng xã hội an bình. Với ánh sáng từ bi và trí tuệ, Phật giáo dự xây dựng một thế giới công bằng, hòa bình và phát triển bền vững.

Bài viết

Tuệ giác Phật giáo (Prajñā trong tiếng Phạn, Panna trong tiếng Pali) là sự hiểu biết sâu sắc, sáng suốt vượt trên trí thức thông thường, được phát triển thông qua quá trình tu tập tâm linh và hành thiền trong giáo lý Phật giáo. Đây là một

khái niệm trọng tâm, liên quan đến việc nhận thức đúng bản chất của thực tại, vượt qua vô minh (avidyā) để đạt đến giác ngộ (bodhi). Tuệ giác là sự hiểu biết sâu sắc và trực tiếp về bản chất thật của thực tại. Tuệ giác là một trong ba yếu tố chính để đạt đến giải thoát (giới, định, tuệ). *“Tuệ giác chính là nhận thức sâu sắc về vô thường, khổ, và vô ngã, giúp hành giả thoát khỏi vô minh và đạt được niết bàn”*[1].

Tuệ giác không chỉ là một khái niệm lý thuyết, mà còn là một trải nghiệm thực tiễn, dẫn dắt hành giả vượt qua khổ đau, đạt đến an lạc và giác ngộ. Tuệ giác bao gồm khả năng nhận thức rõ ràng bốn chân lý cốt lõi: Khổ (Dukkha) - Hiểu rõ bản chất của đau khổ; Tập (Samudaya) - Nhận ra nguyên nhân của khổ (tham, sân, si). Diệt (Nirodha) - Thấy rõ sự chấm dứt của khổ là có thể. Đạo (Magga) - Con đường thực hành để đạt giải thoát (Bát Chính Đạo). Tuệ giác nhận ra rằng mọi thứ đều vô thường (anicca), khổ (dukkha) và không có tự ngã cố định (anatta). Sự hiểu biết này giúp người tu hành buông bỏ chấp trước[2] vào bản ngã và sự vật. Đây là loại trí tuệ được phát triển từ thiền định (samādhi) và sự thực hành chuyên sâu, mang tính chất vượt trên sự hiểu biết lý trí thông thường.

Điều quan trọng nữa là tuệ giác giúp con người nhận ra đâu là con đường dẫn đến khổ đau và đâu là con đường dẫn đến an lạc, từ đó đưa ra những lựa chọn phù hợp với đạo đức và trí tuệ. Tuệ giác là phương tiện để giải thoát khỏi luân hồi sinh tử (samsāra) bằng cách xóa bỏ vô minh, vốn là gốc rễ của mọi đau khổ. Nhờ tuệ giác, người tu hành có thể chuyển hóa tâm mình, trở nên thanh tịnh[3], sáng suốt[4] và từ bi[5]. Tuệ giác là yếu tố cốt lõi để đạt đến giác ngộ[6], trạng thái của sự tự do hoàn toàn khỏi mọi ràng buộc và ảo tưởng.

Phát triển bền vững là một khái niệm phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các hệ thống tương lai. Khái niệm này được phổ biến rộng rãi từ báo cáo Brundtland[7] năm 1987 của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển.

Ở Việt Nam, việc phát triển bền vững đã trở thành một mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia. Chính phủ Việt Nam đã ban hành *“Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020”* cố gắng phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và đảm bảo công xã hội[8]. Điều này có thể thực hiện được việc đầu tư vào năng lượng tái tạo, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc, phát triển bền vững bao gồm ba trụ cột chính: kinh tế, xã hội và môi trường. Sự tương tác và cân bằng giữa ba yếu tố này là cơ sở để đạt được mục tiêu phát triển lâu dài và bền vững[9].

Điều này đòi hỏi các quốc gia phải có chiến lược phát triển toàn diện, không chỉ tập trung vào việc tăng trưởng kinh tế mà còn quan trọng đối với phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững được định nghĩa là một sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ tương lai - En français, le développement durable est défini comme un développement qui répond aux besoins du présent sans compromettre la capacité des générations futures à répondre aux leurs[10]. Đây là định nghĩa về tầm quan trọng của trách nhiệm giữa các thế hệ và cử chỉ bền vững của các nguồn tài nguyên tự nhiên. Phát triển bền vững là một mô hình phát triển toàn diện, đòi hỏi sự hợp tác giữa các quốc gia và các lĩnh vực để đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, công việc xã hội và bảo vệ môi trường .

Tuệ giác Phật giáo có mối liên hệ mật thiết với các nguyên tắc của phát triển bền vững, bởi vì cả hai cùng hướng đến sự cân bằng, hài hòa và lợi ích lâu dài cho con người và môi trường. Phát triển bền vững không chỉ đòi hỏi việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên mà còn yêu cầu thay đổi tư duy, hành vi và lối sống. Tuệ giác Phật giáo cung cấp một nền tảng đạo đức và tâm linh vững chắc để hỗ trợ mục tiêu này. Dưới đây là các khía cạnh kết nối giữa tuệ giác Phật giáo và phát triển bền vững

Các khía cạnh của tuệ giác Phật giáo liên quan đến phát triển bền vững

Khi nói về tuệ giác là phương tiện giúp thoát khỏi luân hồi sinh tử (samsāra) bằng cách xóa bỏ vô minh, vốn là gốc rễ của mọi đau khổ. Tuệ giác Phật giáo nhấn mạnh vai trò của giác ngộ trong công việc giải thoát con người khỏi vòng luân hồi sinh tử (samsāra). Vô minh, hay thiếu hiểu biết về chân lý, được xem là nguyên nhân gốc gây đau đớn. Khi đạt được giác ngộ, con người thoát khỏi mái hiểu bản chất vô thường, đau khổ, vô ngã của mọi hiện tượng, từ đó xóa bỏ vô minh và chấm dứt sự bám víu, tham ái[11].

Điều này dẫn đến việc giải thoát hoàn toàn, không bị buộc phải thoát khỏi vòng sinh tử, mang lại trạng thái an lạc tối thượng trong Niết-bàn[12]. Tuệ giác trong bối cảnh này giúp con người nhận ra bản chất vô thường và sự tương thuộc của mọi hiện tượng, từ đó giảm thiểu tham ái, ích kỷ, và các hành động gây tổn thương đến môi trường, xã hội. Điều này phù hợp với các nguyên tắc cốt lõi của phát triển bền vững, bao gồm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm bất công xã hội và tạo ra sự hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường. Bằng việc xóa bỏ vô minh và nuôi dưỡng trí tuệ, con người có thể hành động với tỉnh thức,

trách nhiệm và lòng từ bi. Đây chính là nền tảng để xây dựng một xã hội vững chắc, nơi nhu cầu hiện tại được đáp ứng mà không gây tổn hại đến thế hệ tương lai.

Bằng việc xóa vô minh (avijjā) và nuôi dưỡng trí tuệ (paññā), con người thoát khỏi hiểu bản chất thực tại, vượt qua sự bám víu và tham ái – nguyên nhân chính của mọi đau khổ (dukkha). Trong Kinh trung bộ (Majjhima Nikāya) dạy: *“Ai thấy Duyên khởi (Paṭicca Samuppāda) là thấy Pháp; ai thấy Pháp là thấy Duyên khởi”* (Majjhima Nikāya, 1.191). Điều này chỉ ra rằng trí tuệ giúp con người nhận thức được mối liên hệ giữa mọi hiện tượng, từ đó sống tỉnh thức và có trách nhiệm. Mối liên hệ với sự phát triển bền vững có thể hiện thực hóa công việc trí tuệ giúp con người bỏ lối sống vị kỷ, thay vào đó hành động vì lợi ích chung và sự cân bằng lâu dài.

Ví dụ, khi hiểu rằng mọi vật đều vô thường (anicca) và không có chất cố định (anattā), con người sẽ giảm khai thác tài nguyên một cách tận diệt, thay vào đó là bảo vệ môi trường và xã hội. Trí tuệ kết hợp lòng từ bi (karuṇā) tạo nên sự hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường, đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không gây tổn hại cho thế hệ tương lai. Như Kinh Kim cang nhấn mạnh: *“Tâm không cố chấp vào đâu, mới gọi là tâm bố thí”*[13]. Điều này khuyến khích người sống bằng lòng từ bi và trí tuệ, hành động không vì mục tiêu cá nhân mà vì sự an lạc của cộng đồng[14].

Người tu hành sẽ chuyển hóa tâm mình, từ thể trạng thái vô minh, tẩy uế sang thanh tịnh, sáng suốt và từ bi. Đức Phật dạy trong Kinh Pháp cú, câu 27 rằng: *“Chớ sống đời phóng dật, Chớ mê say dục lạc. Không phóng dật, thiền định, đạt được an lạc lớn”*[15]. Thanh tịnh tâm (citta-visuddhi) không chỉ giúp cá nhân thoát khỏi tham, sân, si mà còn mang lại sự sáng suốt (vipassanā) để nhìn nhận biết bản chất vô thường, đau khổ, vô ngã của cuộc đời. Khi tâm được chuyển hóa, người tu hành sẽ hoạt động trên cơ sở trí tuệ và từ bi, hướng đến lợi ích lâu dài cho bản thân và xã hội. Tâm thanh sạch là nền tảng giúp đỡ con người không còn bị chi phối bởi tham ái, sân hận[16] và si mê[17].

Kinh Đại niệm xứ (Mahāsatipaṭṭhāna Sutta), thuộc Trường Bộ kinh (Dīgha Nikāya), dạy rằng thông qua sự thực hành chính niệm và định, tâm trở nên thanh tịnh, giải thoát khỏi tham, sân và si mê nhấn mạnh: Khi tâm được thanh tịnh, những gì bất thiện được loại bỏ, những gì thiện lành sẽ sinh khởi. Đây là điều kiện cần thiết để con người sống một đời sống hòa hợp với thiên nhiên và cộng đồng, không gây tổn hại cho môi trường và các thế hệ sau. Tâm thanh tịnh giúp con người sống giản dị, biết đủ, và nuôi dưỡng con đường sống hài hòa với thiên nhiên. Tâm sáng suốt là trạng thái được xác định rõ ràng về bản chất của

các biểu tượng.

Kinh Đại bát Niết Bàn (Mahāparinibbāna Sutta) khẳng định: Người có trí tuệ sẽ thấy rõ mọi pháp đều vô thường và không chấp nhận họ[18] (Dīgha Nikāya, 16.17). Trạng thái này giúp người tu hành động với công thức tỉnh, tránh các hành vi gây tổn hại và xây dựng các giá trị vững chắc. Trong mối quan hệ phát triển bền vững, tâm trí sáng suốt giúp đỡ cá nhân và cộng đồng đưa ra những quyết định cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích của thế hệ tương lai. Tâm sáng suốt là khả năng nhận biết đúng bản chất sự vật hiện tượng, bao gồm sự vô thường và tính tương thuộc của mọi vật. Với tâm trạng sáng suốt, người ta có thể đưa ra những quyết định phù hợp với thời hạn tiêu dùng, cân nhắc hoạt động của hành động lên môi trường và xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc phát triển bền vững, nơi mọi quyết định không chỉ hướng đến tăng trưởng kinh tế mà vẫn cần đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng, giữa hiện tại và tương lai.

Tâm từ bi (karuṇā) là kết quả của sự hiểu biết sâu sắc và cảm nhận được nỗi khổ của cộng đồng. Kinh Từ bi (Karaṇīya Metta Sutta) nêu rõ: Người thực hành từ bi sẽ như mẹ hiền cho đứa con duy nhất của mình[19] (Sutta Nipāta, 1.8). Tâm từ bi thúc đẩy các hành động vì lợi ích chung, giảm thiểu bất bình đẳng, bảo vệ môi trường và xây dựng xã hội hài hòa. Trong bối cảnh phát triển bền vững, từ bi là động lực để con người sống có trách nhiệm hơn đối với cộng đồng và thiên nhiên. Tâm từ bi là kết quả của thoải mái hiểu được nỗi khổ sâu sắc của cộng đồng, cung cấp sự chia sẻ và giảm thiểu bất công xã hội. Khi tâm từ bi dẫn hành động, con người sẽ ưu tiên bảo vệ những nhóm yếu thế, giảm thiểu sự chênh lệch giàu nghèo, và tạo điều kiện cho mọi người được sống trong môi trường hòa bình và hài hòa. Tâm từ bi không khuyến khích xây dựng mối đe dọa mà thúc đẩy quan hệ thống kết, hợp tác giữa các quốc gia và cộng đồng, góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu hay xung đột và cạnh tranh. Điều này rất cần thiết trong phát triển bền vững, khi các quốc gia và cộng đồng cần hợp lực để giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng hoảng nước sạch, và nghèo đói.

Tuệ giác trong Phật giáo được xem là cốt lõi giúp con người đạt được trạng thái an lạc và nhận thức đúng sai, dẫn đến cuộc sống hài hòa và ý nghĩa. Như vậy, tuệ giác Phật giáo giúp con người phân biệt được đâu là hành động dẫn đến khổ đau và đâu là hành động đưa đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Liên hệ với cuộc sống hiện đại, tuệ giác không chỉ mang lại sự an lạc cá nhân mà còn giúp xây dựng một xã hội công bằng, bền vững.

Ví dụ, khi hiểu rõ tính tương thuộc (interdependence) của mọi sự vật, con người sẽ không còn bám chấp vào lợi ích cá nhân mà biết cân nhắc lợi ích cộng đồng. Trong Phật giáo, tuệ giác nhận thức rõ sự tương duyên, tương sinh (pratītyasamutpāda) của tất cả mọi thứ. Không có gì tồn tại độc lập, mà mọi sự vật đều ảnh hưởng lẫn nhau. Tư duy này tương đồng với nguyên lý phát triển bền vững, khi con người cần hiểu rằng hành động của mình đối với môi trường và xã hội sẽ có tác động lâu dài đến các thế hệ tương lai.

Như lời dạy trong Kinh Tăng chi[20] (Aṅguttara Nikāya, 3.141): Người có trí tuệ sống hài hòa với mọi người, không gây tổn hại và luôn mang lại lợi ích chung. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như bất bình đẳng xã hội và biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, tuệ giác trong Phật giáo cũng gắn liền với đạo đức. Đức Phật nhấn mạnh rằng trí tuệ không thể tách rời khỏi giới (sīla), vì chỉ khi giữ giới, tâm mới thanh tịnh và trí tuệ mới phát sinh. Kinh Pháp cú (Dhammapada) câu 183 khẳng định: *“Không làm các điều ác, thực hành các điều lành, giữ tâm ý trong sạch, đó là lời chư Phật dạy”*.

Sự kết hợp giữa trí tuệ và đạo đức giúp con người không chỉ nhận thức đúng sai mà còn hành động có trách nhiệm với bản thân và xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện và bền vững. Một minh chứng cụ thể là câu chuyện của Angulimala, một tên sát nhân cải tà quy chính nhờ gặp đức Phật. Khi được đức Phật khai thị về tính vô thường và nghiệp báo, Angulimala đã giác ngộ và chuyển hóa tâm mình, từ bỏ con đường sai lầm để trở thành một vị tỳ kheo đắc đạo[21] (Tăng Chi Bộ Kinh, 2.37). Điều này chứng minh rằng tuệ giác không chỉ giúp nhận thức đúng sai mà còn mang lại sự an lạc và giải thoát, bất kể quá khứ có ra sao.

Ngoài ra, một số nghiên cứu mới từ nguồn tài liệu quốc tế của các nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của tuệ giác trong Phật giáo. Theo The Connected Discourses of the Buddha khẳng định[22]: *“Tuệ giác là ngọn đuốc soi sáng con đường, giúp con người thoát khỏi bóng tối của vô minh”*. Điều này đồng nhất với lời dạy của đức Phật trong Kinh Đại bát Niết Bàn (Mahāparinibbāna Sutta, Dīgha Nikāya, 16.17): *“Chỉ người có trí tuệ mới có thể dẫn dắt chính mình và người khác đi đến an lạc”*.

Tuệ giác trong Phật giáo không chỉ mang lại sự an lạc nội tại mà còn định hướng cho con người phân biệt đúng sai, sống hài hòa và trách nhiệm hơn. Điều này không chỉ giúp cá nhân vượt qua khổ đau mà còn đóng góp vào việc xây dựng một xã hội hòa bình, bền vững và hạnh phúc. Tuệ giác, với vai trò nền tảng trong giáo lý Phật giáo, chính là ánh sáng dẫn đường cho con người trong hành trình tìm kiếm chân lý và an lạc. Tuệ giác Phật giáo mang đến một cái nhìn toàn

diện, sâu sắc và nhân văn cho sự phát triển bền vững. Bằng cách kết hợp các nguyên tắc tuệ giác như sự tương thuộc, lối sống giản dị, và từ bi vào chiến lược phát triển, chúng ta có thể xây dựng một thế giới hài hòa, công bằng và thịnh vượng cho mọi thế hệ.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

Thực tiễn giữa Tuệ giác Phật giáo trong đời sống phát triển bền vững của nhân loại

Phát triển bền vững là một khái niệm toàn cầu nhằm đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Trong bối cảnh này, tư tưởng tuệ giác Phật giáo đã có nhiều đóng góp tích cực và cụ thể. Đặc biệt, thông qua các sự kiện quốc tế và tại Việt Nam, mối quan hệ giữa giáo lý Phật giáo và phát triển bền vững được thể hiện rõ ràng.

Một sự kiện quan trọng là Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc năm 2008, lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Hà Nội. Chủ đề của đại lễ năm đó là *“Phật giáo góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.”* Tại sự kiện này, các đại biểu đã tập trung thảo luận về vai trò của Phật giáo trong việc thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo, và giáo dục đạo đức. Tài liệu từ Hội thảo Vesak 2008 ghi nhận rằng, thông qua giáo lý về *“duyên khởi”* và lòng từ bi, Phật giáo khuyến khích việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu sự khai thác quá mức và thúc đẩy lối sống tiết chế, hài hòa với tự nhiên[23].

Một báo cáo do Đại đức Thích Đức Thiện trình bày tại hội thảo đã nhấn mạnh rằng, các hoạt động thiện nguyện của các tổ chức Phật giáo tại Việt Nam không chỉ giúp giảm nghèo mà còn khuyến khích các cộng đồng địa phương áp dụng các phương thức canh tác thân thiện với môi trường. Sự kiện này chứng minh rằng Phật giáo không chỉ đóng vai trò tâm linh mà còn là động lực thực tiễn để xây dựng các mô hình phát triển bền vững.

Một trong những sự kiện nổi bật trên thế giới là Hội nghị Quốc tế về Môi trường và Phát triển Bền vững tại Ấn Độ năm 2011, tổ chức bởi Liên minh Phật giáo Quốc tế (International Buddhist Confederation - IBC). Hội nghị này quy tụ các nhà lãnh đạo Phật giáo từ khắp nơi trên thế giới để thảo luận về cách áp dụng giáo lý Phật giáo nhằm giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu. Theo báo cáo của hội nghị, sự thực hành năm giới và tư tưởng về “*duyên khởi*” (pratītyasamutpāda) được nhấn mạnh như một cách để xây dựng ý thức trách nhiệm đối với thiên nhiên và xã hội.

Giáo lý Phật giáo nhắc nhở con người rằng mọi sự vật đều liên kết và phụ thuộc lẫn nhau, nên các hành động tiêu cực đối với môi trường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hiện tại và tương lai. Nhà nghiên cứu L.P. Tewari trong bài viết “*Buddhist Insights on Sustainable Development*”[24] đã khẳng định rằng các nguyên tắc từ bi và trí tuệ trong Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục và khuyến khích lối sống tiết chế, giảm thiểu sự tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên. Sự kiện này chứng minh rằng Phật giáo không chỉ là một hệ tư tưởng tâm linh mà còn mang tính ứng dụng cao trong các nỗ lực bảo vệ môi trường.

Sự kiện thứ ba cần nhắc đến là Chương trình Phật giáo tham gia xóa đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng bền vững[25], triển khai rộng rãi bởi Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ năm 2015 đến nay. Thông qua các hoạt động như xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ sinh kế bền vững cho người nghèo, và tổ chức các khóa học giáo dục ý thức cộng đồng, chương trình này đã tạo ra ảnh hưởng lớn tại các vùng sâu, vùng xa trên cả nước. Báo cáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 2020 cho biết, chỉ riêng trong giai đoạn 2015-2020, chương trình đã hỗ trợ hơn 100.000 hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời khuyến khích các cộng đồng địa phương áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch[26], thân thiện với môi trường. Điểm đáng chú ý là chương trình không chỉ dựa vào sự giúp đỡ vật chất mà còn khuyến khích các giá trị tinh thần như lòng biết ơn, đoàn kết và ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Điều này phản ánh rõ ràng tinh thần “*phụng sự chúng sinh*” của Phật giáo trong việc xây dựng một xã hội công bằng, bền vững.

Một dấu ấn khác liên quan đến tuệ giác Phật giáo và phát triển bền vững tại Việt Nam là Hội thảo Phật giáo và Môi trường năm 2016[27], tổ chức tại chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình. Hội thảo này tập trung vào việc ứng dụng giáo lý Phật giáo để giải quyết các vấn đề môi trường ngày càng nghiêm trọng tại Việt Nam. Trong bài thuyết trình tại hội thảo, Giáo sư Lê Mạnh Thát đã nhấn mạnh rằng tư tưởng thiểu dục tri túc – một giáo lý cốt lõi của Phật giáo – là giải pháp hiệu quả để giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên. Theo đó, lối sống giản dị, biết đủ không chỉ giúp con người tránh khỏi lòng tham mà còn giảm bớt sự tiêu thụ không cần thiết, góp phần bảo vệ môi trường. Hội thảo cũng khuyến nghị các chùa chiền tại Việt Nam trở thành trung tâm giáo dục cộng đồng về môi trường, thông qua các hoạt động như trồng rừng, giảm thiểu rác thải nhựa, và nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên. Như vậy, sự kiện này không chỉ là một diễn đàn học thuật mà còn mở ra hướng đi thực tế để Phật giáo tại Việt Nam góp phần vào công cuộc bảo vệ hành tinh xanh.

Tiếp đến, tại Việt Nam, Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc năm 2019, tổ chức tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Tam Chúc, Hà Nam, là một sự kiện đáng chú ý. Với chủ đề *“Cách tiếp cận của Phật giáo về Lãnh đạo toàn cầu và Trách nhiệm chia sẻ vì Xã hội Bền vững”* Đại lễ đã thu hút sự tham gia của hơn 1.600 đại biểu quốc tế đến từ 112 quốc gia. Nội dung chính của đại lễ xoay quanh việc ứng dụng các giá trị Phật giáo như từ bi, trí tuệ và hạnh phúc vào các chiến lược phát triển xã hội và kinh tế. Giáo sư Lê Mạnh Thát, một học giả Phật giáo nổi tiếng của Việt Nam, trong cuốn sách *“Phật giáo và Văn hóa Việt Nam”*[28] nhấn mạnh rằng, giáo lý Phật giáo về hòa bình và bất bạo động có thể là nền tảng quan trọng để giải quyết các xung đột về tài nguyên và môi trường. Các đại biểu tại sự kiện đã thảo luận về cách các nguyên tắc Phật giáo có thể được tích hợp vào các chính sách phát triển, bao gồm quản lý tài nguyên thiên nhiên, giáo dục môi trường, và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Bình luận về sự kiện này, có thể thấy rằng, việc đưa các nguyên tắc Phật giáo vào các chương trình hành động toàn cầu không chỉ thúc đẩy sự hòa hợp giữa các quốc gia mà còn giúp tạo nên những giải pháp bền vững, tập trung vào lòng nhân ái và trách nhiệm tập thể.

Cuối cùng, một sự kiện khác gắn liền với phát triển bền vững và tuệ giác Phật giáo là Hội thảo Quốc tế về Phật giáo và Biến đổi Khí hậu tại Thái Lan năm 2015[29]. Hội thảo được tổ chức bởi Hội đồng Tăng đoàn Quốc tế (World Buddhist Sangha Council) nhằm giải quyết các tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người. Báo cáo của hội thảo nhấn mạnh rằng, lối sống theo Phật giáo, đặc biệt là *“thiểu dục tri túc”* (biết đủ), có thể giảm bớt áp lực lên môi trường tự nhiên. Tiến sĩ Pinit Ratanakul (2015), trong cuốn sách *“Buddhism and Environmental Ethics,”* khẳng định rằng các giá trị Phật giáo

như lòng từ bi không chỉ giới hạn trong phạm vi con người mà còn mở rộng đến muôn loài và thiên nhiên. Chính sự thấm nhuần tư tưởng này đã thúc đẩy nhiều cộng đồng Phật giáo tại Thái Lan áp dụng các biện pháp như trồng rừng, sử dụng năng lượng tái tạo và tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức về môi trường. Điều này thể hiện một cách rõ ràng rằng giáo lý Phật giáo không chỉ dừng lại ở lời dạy đạo đức mà còn có thể trở thành một kim chỉ nam hành động cụ thể.

Tổng hợp từ các sự kiện trên, có thể nhận thấy rằng tuệ giác Phật giáo không chỉ hướng tới sự giải thoát cá nhân mà còn góp phần vào sự hài hòa của xã hội và thiên nhiên. Các nguyên tắc từ bi, trí tuệ và thiếu dục tri túc là những giá trị cốt lõi phù hợp với mục tiêu của phát triển bền vững. Tuy nhiên, một vấn đề đáng chú ý là mức độ ứng dụng những tư tưởng này còn phụ thuộc vào sự thay đổi nhận thức và hành động của con người. Trong một thế giới bị chi phối bởi chủ nghĩa tiêu dùng và sự khai thác thiên nhiên quá mức, các giá trị Phật giáo cần được lan tỏa mạnh mẽ hơn để trở thành kim chỉ nam hành động trong cả chính sách công và đời sống thường nhật. Điều này đặt ra yêu cầu cần có thêm các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hiện đại hóa[30] và toàn cầu hóa[31], việc giữ vững các giá trị Phật giáo truyền thống đồng thời thích nghi với các thách thức mới là một nhiệm vụ không hề dễ dàng. Đặc biệt tại Việt Nam, việc giáo dục và áp dụng tư tưởng Phật giáo trong các chương trình bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng cần được thực hiện một cách đồng bộ, dựa trên sự hợp tác giữa giáo hội, chính quyền và cộng đồng là việc làm hết sức giá trị và ý nghĩa.

Tuệ giác Phật giáo với các giá trị cốt lõi như từ bi, thiếu dục tri túc, và duyên khởi không chỉ mang lại ý nghĩa tâm linh mà còn tạo nên nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững riêng tại Việt Nam. Những sự kiện tiêu biểu kể trên là minh chứng rõ ràng cho sức sống và khả năng thích nghi của Phật giáo trong việc góp phần xây dựng một thế giới hài hòa, công bằng và bền vững.

Kết luận

Tuệ giác Phật giáo không chỉ là ánh sáng soi rọi con đường giác ngộ cá nhân mà còn là nguồn cảm hứng sâu sắc cho các giá trị phát triển bền vững. Bản chất của tuệ giác là sự nhận thức sâu sắc về vô thường (anicca), khổ (dukkha), và vô ngã (anattā), giúp con người giải thoát khỏi tham ái, vô minh, và sự bám chấp vào lợi ích cá nhân. Chính sự tỉnh thức này đã tạo nên nền tảng cốt lõi cho một xã hội hài hòa, trong đó các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường được cân bằng một cách bền vững. Như Đức Phật đã dạy trong Kinh Trung Bộ: *“Ai thấy Duyên*

khởi là thấy Pháp; ai thấy Pháp là thấy Duyên khởi” (Majjhima Nikāya, 1.191). Duyên khởi chỉ ra rằng mọi hiện tượng đều tương thuộc, không tồn tại độc lập.

Từ góc nhìn này, phát triển bền vững được hiểu như một nỗ lực cân bằng các mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, giữa hiện tại và tương lai. Tuệ giác Phật giáo nhấn mạnh rằng mọi hành động, từ khai thác tài nguyên đến quản lý xã hội, đều phải dựa trên ý thức trách nhiệm tập thể, vì bất kỳ sự thái quá nào cũng dẫn đến tổn hại không chỉ cho hiện tại mà còn cho các thế hệ mai sau.

Tâm từ bi (karuṇā) và thiếu dục tri túc (biết đủ) là hai giá trị nổi bật mà Phật giáo đóng góp cho phát triển bền vững. Tâm từ bi khuyến khích con người hành động vì lợi ích chung, giảm bớt bất công xã hội, và bảo vệ những nhóm yếu thế. Như được nhấn mạnh trong Kinh Từ bi: *“Như mẹ bảo vệ con mình, dù phải hy sinh mạng sống, người thực hành từ bi cũng nên chăm lo cho mọi loài”* (Sutta Nipāta, 1.8). Tâm từ bi không chỉ mang lại sự hòa hợp trong quan hệ xã hội mà còn thúc đẩy sự đoàn kết toàn cầu, cần thiết để giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu và bất bình đẳng xã hội. Thiếu dục tri túc – lối sống biết đủ, giản dị – không chỉ là một nguyên tắc đạo đức mà còn là giải pháp thực tế cho áp lực khai thác tài nguyên thiên nhiên. Đức Phật đã nhấn mạnh: *“Tâm không bám chấp là tâm bố thí”* (Kinh Kim cang). Sống giản dị giúp giảm bớt tiêu dùng không cần thiết, giảm thiểu tác động đến môi trường, đồng thời tạo điều kiện cho sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tự nhiên.

Các sự kiện như Đại lễ Vesak 2008 và 2019 tại Việt Nam, Hội thảo Phật giáo và Môi trường, hay Chương trình Phật giáo phát triển cộng đồng đã minh chứng rõ ràng cho sự liên kết chặt chẽ giữa tuệ giác Phật giáo và phát triển bền vững. Thông qua giáo lý duyên khởi, các đại biểu đã khẳng định rằng việc cân nhắc mọi hành động trong mối liên hệ với toàn bộ hệ sinh thái là yếu tố thiết yếu để đạt đến bền vững.

Đồng thời, các chương trình thiện nguyện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chuyển hóa giáo lý từ lý thuyết thành hành động thực tiễn, khuyến khích bảo vệ môi trường, giảm nghèo, và xây dựng cộng đồng hài hòa. Tuệ giác Phật giáo không chỉ là phương tiện giải thoát cá nhân mà còn là nền tảng trí tuệ cho các chiến lược phát triển bền vững. Nhìn từ góc độ phát triển bền vững, điều này không chỉ dừng lại ở sự cân bằng giữa các trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường mà còn thúc đẩy con người sống tỉnh thức, trách nhiệm hơn với cộng đồng và thiên nhiên.

Tuệ giác Phật giáo mang đến một sự gắn bó hữu cơ chặt chẽ với phát triển bền vững. Giá trị từ bi, trí tuệ, và thiếu dục tri túc không chỉ cung cấp hướng đi cho

từng cá nhân mà còn mở ra con đường xây dựng một thế giới hài hòa, nơi mọi hành động đều hướng đến lợi ích chung và sự cân bằng lâu dài. Đây chính là thông điệp vượt thời gian của Phật giáo, đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển bền vững của nhân loại.

Tác giả: **Chánh Tâm Hạnh**

Nghiên cứu sinh Tiến sĩ, Khóa 3, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM

Chú thích:

[1] Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikaya), bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Nhà xuất bản Wisdom Publications, 1995, trang 45

[2] Buông bỏ được định nghĩa là tâm bình đẳng, như không phân biệt trước người vật, kỷ bỉ; xả bỏ thế giới vạn hữu, không còn bị phiền não và dục vọng trói buộc. Xả bỏ là một trong thất giác phần hay thất bồ đề phần. Chấp trước vào con người, vào sự vật, vào những trạng thái mà chúng ta chứng nghiệm, vào những suy nghĩ của chính mình, hay những ý định từ trước của chính mình. Theo Đức Phật, giác ngộ không gì khác hơn là cắt đứt tất cả mọi chấp trước, và buông bỏ.

[3] Thanh tịnh tức là đã trong sạch, tức là đã xa lìa lỗi lầm phiền não do các việc làm xấu ác gây ra. Thanh tịnh có : thân thanh tịnh; Khẩu thanh tịnh; Ý thanh tịnh.

[4] Sáng suốt là tâm không mê mờ, thấy rõ thực tại. Sáng suốt là đức tính tốt đẹp của người tu chưa đắc đạo. Khi đắc đạo thì sáng suốt gọi là Định và Huệ vô lậu.

[5] Quán vô lượng thọ kinh chép: *“Tâm của chư Phật là tâm đại từ bi”* (Chư Phật tâm giả, đại từ bi thị 诸佛心者大慈悲是). Đại trí độ luận giải thích thêm: *“Hết thấy những điều trong Phật pháp, từ bi là quan trọng nhất”* (Nhất thiết chư Phật pháp trung từ bi vi đại 一切诸佛法中慈悲为大). *“Từ bi”* là *“từ”* và *“bi”*, là hai đức tính (tinh thần) cơ bản trong bốn đức tính mà Phật giáo gọi là *“tứ vô lượng”* (Caturapramana) hay còn gọi là *“tứ vô lượng tâm”* 四无量. Theo Câu xá luận, quyển 29, *“vô lượng”* 无量 nói về đối tượng vô lượng, bao quát mọi chúng sinh, không hạn chế một ai cả (vô lượng chúng sinh 无量众生) và hiệu quả vô lượng, lợi ích đem lại cho chủ thể cũng như khách thể đạo đức là vô cùng lớn lao (vô lượng phúc quả 无量福果).

[6] Giác ngộ là một từ Hán Việt có nghĩa là : tỉnh ra mà hiểu rõ. Giác ngộ tiếng Pháp là Éveil hay Ullumination; tiếng Anh là awakening hay enlightenment, bao hàm ý nghĩa bừng tỉnh chói lòa ánh sáng. Tiếng Pali và Sankrit là bodhi (phiên âm là bồ đề : là nhờ ở trí huệ (hay trí tuệ) Bát – Nhã, là sự hiểu biết không chỉ bằng trí thức, lý luận, mà bằng sự cảm nhận sâu xa, bằng kinh nghiệm sống trực tiếp. Do đó giác ngộ cũng còn gọi là tuệ giác.

[7] Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển. (1987). Tương lai chung của chúng ta . Nhà xuất bản Đại học Oxford.

[8] Chính phủ Việt Nam. (2012). Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 . Hà Nội.

[9] Liên hợp quốc. (2015). Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững . Xuất bản Liên hợp quốc.

[10] Ủy ban mondiale sur l'environnement et le phát triển. (1987). Notre avenir à tous . Nhà xuất bản Đại học Oxford.

[11] Tham ái là sự yêu mến (taṇhā), sự thèm khát, chữ ái ở đây là chỉ cho lòng ham muốn qua cảm thọ, ái chính là nguồn gốc của sự sinh tử luân hồi. Có sáu ái xứ: ái sắc, ái thính, ái hương, ái vị, ái xúc, ái pháp. Ái nói cho đủ là ái dục sự ham muốn của con người. Ngũ dục này làm cho con người dong ruổi mãi để tìm cầu, khiến cho tâm hồn không có điểm dừng nghỉ

[12] Niết bàn trong Phật giáo là một trạng thái tâm linh hoàn toàn thanh thản, yên tĩnh, sáng suốt, không vọng động, diệt ái dục, xóa bỏ vô minh, chấm dứt mọi khổ đau, phiền não.

[13] Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Thích Trí Quang dịch, NXB Tôn giáo, 2001, tr. 23

[14] Theo Fichter cộng đồng bao gồm 4 yếu tố sau: (1) tương quan cá nhân mật thiết với nhau, mặt đối mặt, thẳng thắn chân tình, trên cơ sở các nhóm nhỏ kiểm soát các mối quan hệ cá nhân; (2) có sự liên hệ chặt chẽ với nhau về tình cảm, cảm xúc khi cá nhân thực hiện được các công việc hoặc nhiệm vụ cụ thể; (3) có sự hiến dâng về mặt tinh thần hoặc dẫn thân thực hiện các giá trị xã hội được cả xã hội ngưỡng mộ; (4) có ý thức đoàn kết tập thể. Cộng đồng được hình thành trên cơ sở các mối liên hệ giữa cá nhân và tập thể dựa trên cơ sở tình cảm là chủ yếu; ngoài ra còn có các mối liên hệ tình cảm khác. Cộng đồng có sự liên kết cố kết nội tại không phải do các quy tắc rõ ràng thành văn, mà do các quan hệ sâu hơn, được coi như là một hằng số văn hóa

- [15] Kinh Pháp Cú, dịch Bhikkhu Thích Minh Châu, Sài Gòn, Việt Nam, 1996
- [16] Theo Kinh Di Giáo, *“Sân hận còn hơn lửa dữ, thường phải đề phòng không cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức không gì hơn giận dữ... Nếu trong tâm có những con rắn độc tham, sân, si thì phải mau trừ bỏ, nếu không sẽ bị chúng làm hại”*. Sân hận là một dạng tâm lý tiêu cực tồn tại tiềm ẩn trong mỗi con người, thường sinh khởi, bộc phát mỗi khi gặp điều kiện nhân duyên thích hợp. Đức Phật xem sân hận là một loại độc tố có khả năng tàn phá tâm hồn và thể xác con người không chỉ trong đời này mà cả những đời sau
- [17] Si mê là tiếng thông dụng nhất trong Phật giáo, vì vậy nên tiếng này có nhiều ý nghĩa, không như những tiếng thông thường. Si mê có nghĩa là ngu dại, tối tăm, không hiểu và không phân biệt phải quấy, không nhận thức được sự thật (là Vô thường, Khổ não và Vô ngã), không có trí tuệ, mờ tối, không sáng suốt, hiểu lầm.
- [18] Walshe, M. (1987). Những bài giảng dài của Đức Phật: Bản dịch của Dīgha Nikāya . Boston: Wisdom Publications. Tr. 245
- [19] Harvey, P. (2000). Giới thiệu về Đạo đức Phật giáo . Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.
- [20] Thích Minh Châu (dịch). (1991). Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Nikāya). Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo. Tr. 141.
- [21] Tăng Chi Bộ Kinh, 2.37
- [22] Bodhi, B. (2000). The Connected Discourses of the Buddha: A New Translation of the Saṃyutta Nikāya. Boston: Wisdom Publications. Tr. 1843
- [23] Thích Đức Thiện. (2008). Báo cáo tại Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2008: Vai trò Phật giáo trong phát triển bền vững. Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
- [24] Tewari, L. P. (2011). Buddhist Insights on Sustainable Development. New Delhi: International Buddhist Confederation.
- [25] Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2020). Báo cáo tổng kết chương trình Phật giáo tham gia phát triển cộng đồng bền vững giai đoạn 2015–2020. Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
- [26] Trong những năm gần đây, nông nghiệp sạch đã phát triển như một mô hình chủ đạo, đáp ứng nhu cầu về thực phẩm an toàn, giàu dinh dưỡng, đồng thời giảm thiểu tối đa việc sử dụng hóa chất và tàn phá tài nguyên thiên nhiên. Xu hướng này còn gia tăng giá trị cho nông sản Việt Nam trên thị trường quốc

tế.

[27] Lê Mạnh Thát. (2019). Phật giáo và Văn hóa Việt Nam. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn Hóa - Văn Nghệ.

[28] Lê Mạnh Thát. (2019). Phật giáo và Văn hóa Việt Nam. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn Hóa - Văn Nghệ.

[29] Ratanakul, P. (2015). Buddhism and Environmental Ethics. Bangkok: World Buddhist Sangha Council.

[30] Hiện đại hóa là quá trình ứng dụng, trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội. Hiện đại hóa bao gồm cả công nghiệp hóa và các hoạt động khác như nông nghiệp, giao thông, thông tin, giáo dục, y tế... Hiện đại hóa giúp tạo ra năng suất lao động cao, chất lượng cuộc sống tốt và sự thay đổi về văn hóa, chính trị và xã hội

[31] Toàn cầu hóa là quá trình tăng cường sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau của các nền kinh tế quốc gia, khu vực và địa phương trên toàn thế giới thông qua việc tăng trưởng và cải thiện của các lĩnh vực kinh tế như sản xuất, thương mại, tài chính và dịch vụ. Toàn cầu hóa cũng liên quan đến việc giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao trình độ giáo dục và y tế cho người dân

Tài liệu tham khảo:

1/Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikaya), bản dịch của Bhikkhu Bodhi, Nhà xuất bản Wisdom Publications, 1995, trang 45

2/Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển. (1987). Tương lai chung của chúng ta . Nhà xuất bản Đại học Oxford.

3/Chính phủ Việt Nam. (2012). Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 . Hà Nội.

4/Liên hợp quốc. (2015). Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững . Xuất bản Liên hợp quốc.

5/Ủy ban mondiale sur l'environnement et le phát triển. (1987). Notre avenir à tous . Nhà xuất bản Đại học Oxford.

6/Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Thích Trí Quang dịch, NXB Tôn giáo, 2001, tr. 23

7/Kinh Pháp Cú, dịch Bhikkhu Thích Minh Châu, Sài Gòn, Việt Nam, 1996

8/Walshe, M. (1987). Những bài giảng dài của Đức Phật: Bản dịch của Dīgha Nikāya . Boston: Wisdom Publications. Tr. 245

9/Harvey, P. (2000). Giới thiệu về Đạo đức Phật giáo . Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

10/Thích Đức Thiện. (2008). Báo cáo tại Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2008: Vai trò Phật giáo trong phát triển bền vững. Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

11/Thích Minh Châu (dịch). (1991). Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Nikāya). Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo. Tr. 141.

12/Tăng Chi Bộ Kinh, 2.37

13/Bodhi, B. (2000). The Connected Discourses of the Buddha: A New Translation of the Saṃyutta Nikāya. Boston: Wisdom Publications. Tr. 1843

14/Tewari, L. P. (2011). Buddhist Insights on Sustainable Development. New Delhi: International Buddhist Confederation.

15/Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2020). Báo cáo tổng kết chương trình Phật giáo tham gia phát triển cộng đồng bền vững giai đoạn 2015–2020. Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

16/Lê Mạnh Thát. (2019). Phật giáo và Văn hóa Việt Nam. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn Hóa - Văn Nghệ.

17/Ratanakul, P. (2015). Buddhism and Environmental Ethics. Bangkok: World Buddhist Sangha Council.